

Số: /2021/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

*Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 11, khoản 1 Điều 11 như sau:

**“Điều 11. Quản lý, sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư xây dựng theo phương thức đối tác công tư và đường chuyên dùng**

1. Đối với việc xây dựng công trình thiết yếu liên quan đến công trình đường bộ được đầu tư xây dựng theo phương thức đối tác công tư, khi cơ quan đường bộ có thẩm quyền thực hiện chấp thuận xây dựng, ngoài việc thực hiện các quy định của Thông tư này còn phải lấy ý kiến bằng văn bản của nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án đối tác công tư trong trường hợp có đào, khoan, xẻ đường; ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, an toàn cháy nổ và an toàn trong vận hành khai thác công trình đường bộ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

1. Bộ Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của đường bộ cao tốc, trừ công trình điện lực có điện áp từ 35 kV trở xuống.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải quản lý đối với các trường hợp sau:

a) Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ liên quan đến phạm vi quản lý từ hai đơn vị cấp Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải trở lên, trừ công trình điện lực có điện áp từ 35 kV trở xuống;

b) Xây dựng công trình thiết yếu phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh theo đề nghị của cơ quan quân sự, cơ quan công an; Công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu, hầm đường bộ từ cấp II trở lên theo quy định về phân cấp công trình xây dựng, cầu yếu, cầu quá thời hạn khai thác gây ảnh hưởng đến an toàn công trình cầu; Công trình thiết yếu có đường kính lớn hơn 300 mm; Công trình điện lực có điện áp từ 110 kV trở lên (trừ đường dây tải điện giao cắt phía trên quốc lộ có cột nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn của quốc lộ).

3. Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các tuyến đường bộ được giao quản lý, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu bao gồm:

a) Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ thiết kế công trình thiết yếu (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công), báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình thiết yếu; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình thiết yếu; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình thiết yếu;

c) Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến bề mặt dải phân cách giữa, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa;

d) Công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

đ) Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, hồ sơ đề nghị bao gồm đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 1a và hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

5. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

6. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với hồ sơ chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu: thời hạn giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định;

b) Trường hợp chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu, thời hạn giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Thông tư này.

7. Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu mà chủ công trình thiết yếu chưa triển khai thi công hoặc chưa hoàn thành thủ tục cấp phép thi công thì phải thực hiện gia hạn văn bản chấp thuận. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thời gian giải quyết: trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn;

c) Thời gian gia hạn: chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng;

d) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

**“Điều 20. Đấu nối vào quốc lộ**

1. Nguyên tắc đấu nối vào quốc lộ

a) Việc đấu nối vào quốc lộ phải phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không đấu nối vào đường cao tốc, đường dẫn thuộc phạm vi nút giao của đường cao tốc, đường cao tốc đã được xây dựng phân kỳ đầu tư;

c) Không đấu nối vào tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã được quy hoạch là đường cao tốc trừ trường hợp đặc biệt gồm: Dự án nhóm A (quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Đầu tư công), dự án quan trọng quốc gia; các trường hợp này sẽ được kết nối vào đường gom, đường bên khi tuyến, đoạn tuyến quốc lộ được xây dựng, hoàn thiện theo tiêu chuẩn đường cao tốc;

d) Không đấu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của cầu, hầm đường bộ, cầu phao đường bộ, bến phà đường bộ;

đ) Không đấu nối, sử dụng chung nút giao đường sắt với quốc lộ.

2. Yêu cầu đấu nối vào quốc lộ

a) Đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này;

b) Có đủ quỹ đất để thiết kế, xây dựng làn chuyển tốc, làn dừng xe chờ rẽ trái và các yêu cầu kỹ thuật khác của nút giao theo yêu cầu của tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô hiện hành;

c) Không đấu nối vào bưng đường cong nằm có bán kính đường cong nhỏ hơn bán kính đường cong tối thiểu thông thường theo cấp đường quy hoạch; lưng đường cong có bố trí siêu cao; trong đoạn đường dốc có độ dốc dọc lớn hơn độ

dốc dọc lớn nhất theo cấp đường đang khai thác; trong khu vực địa hình không bảo đảm tầm nhìn lái xe.

3. Thiết kế nút giao đầu nối vào quốc lộ phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của quốc lộ.

4. Tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao sử dụng điểm đầu nối vào quốc lộ phải lập hồ sơ, gửi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét, chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công theo quy định tại Điều 26, Điều 27 của Thông tư này.

5. Trường hợp sử dụng chung điểm đầu nối, chỉ áp dụng cho một công trình, dự án cùng phía tiếp giáp trực tiếp với đường nhánh của nút giao điểm đầu nối hiện hữu, không làm phát sinh điểm đầu nối mới. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sử dụng chung điểm đầu nối hiện hữu vào quốc lộ. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung điểm đầu nối phải thực hiện cải tạo nút giao sau khi được cơ quan đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công theo quy định.

6. Đối với điểm đầu nối vào quốc lộ của dự án, công trình do Bộ Giao vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam là người quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư, thực hiện theo thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải thực hiện thủ tục đầu nối vào quốc lộ.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào quốc lộ**

1. Đối với đoạn tuyến quốc lộ nằm trong phạm vi địa giới hành chính của nội thành, nội thị (phường, thị trấn), khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối không nhỏ hơn trị số tối thiểu giữa hai đường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Trường hợp hình thành, mở rộng địa giới hành chính của nội thành, nội thị (phường, thị trấn), khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với đoạn tuyến quốc lộ nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị, khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối như sau:

a) Đối với các tuyến quốc lộ không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến quốc lộ, cụ thể như sau: đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.500 mét, đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét”.

b) Đối với các tuyến quốc lộ có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa

các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến dọc quốc lộ, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 2.000 mét; đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

**“Điều 22. Xác định điểm đầu nối vào quốc lộ**

1. Việc xác định các điểm đầu nối bao gồm: Xác định vị trí, hình thức giao cắt giữa quốc lộ với các đường nhánh để lập phương án tổ chức giao thông và xây dựng nút nhằm bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt và bảo vệ công trình đường bộ.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập và trình hồ sơ xác định các điểm đầu nối vào quốc lộ trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Việc xác định các điểm đầu nối được thực hiện cho tất cả các tuyến quốc lộ hoặc riêng từng tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh.

3. Trường hợp phải có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là Nghị định số 117/2021/NĐ-CP), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ xin ý kiến theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này về Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề nghị đầu nối, báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

**“Điều 23. Thực hiện xác định các điểm đầu nối vào quốc lộ.**

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của quốc lộ cần đầu nối.

2. Khảo sát, thống kê

a) Các đường nhánh hiện có theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP; xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; các vị trí điểm đầu nối phù hợp với quy định về nút giao thông của tiêu chuẩn hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô;

b) Các đoạn tuyến quốc lộ trong đô thị (phường, thị trấn), ngoài đô thị; tổng hợp các đoạn tuyến không đủ quỹ đất để xây dựng đường gom, các công trình và điều kiện địa hình cản trở việc xây dựng đường gom liên tục theo chiều dài quốc lộ;

c) Các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 mét chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ đã đầu nối tự phát vào quốc lộ trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có hiệu lực.

3. Lấy ý kiến của các cơ quan chức năng địa phương về sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan và quỹ đất đất xây dựng đường gom.

4. Mỗi tuyến quốc lộ được lập riêng một bộ hồ sơ xác định các điểm đầu nối để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

**“Điều 24. Hồ sơ xác định các điểm đầu nối vào quốc lộ**

Hồ sơ xác định các điểm đầu nối vào quốc lộ gồm:

1. Thuyết minh

a) Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên quốc lộ có điểm đầu nối; các thông tin về quy hoạch của tuyến, đoạn tuyến quốc lộ có điểm đầu nối; tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến;

b) Hiện trạng của tuyến, đoạn tuyến quốc lộ có điểm đề nghị đầu nối: cấp đường hiện hữu, điểm đầu, điểm cuối, khu vực nội thành, nội thị; đặc điểm địa hình có điểm đầu nối (vực sâu, núi cao, sông, suối; bán kính cong, tầm nhìn, nhà cửa, vật kiến trúc; các chướng ngại vật không thể di dời, khả năng xây dựng đường gom; các công trình lân cận điểm đầu nối như cầu, hầm đường bộ, điểm giao cắt với đường sắt); khả năng bố trí quỹ đất để thiết kế đảm bảo các yếu tố hình học của nút giao, bố trí làn dừng xe chờ rẽ trái, làn chuyển tốc. Sơ họa bình đồ tuyến đường trong phạm vi từ điểm đề nghị đầu nối về hai phía, mỗi phía không nhỏ hơn khoảng cách tối thiểu theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này theo cấp đường quy hoạch;

c) Lý do các điểm đầu nối không đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này; lộ trình xóa bỏ các đường nhánh có quy mô nhỏ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 của Thông tư này;

d) Các quy hoạch, quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến điểm đề nghị đầu nối vào quốc lộ (nếu có);

đ) Quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các đô thị có tuyến quốc lộ đi qua (nếu có);

e) Ý kiến của Cục Quản lý đường bộ khu vực về hiện trạng tuyến, đoạn tuyến quốc lộ có điểm đề nghị đầu nối quy định tại điểm b khoản này; về sự phù hợp theo quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến an toàn giao thông đối với vị trí, hình thức giao cắt của điểm đầu nối vào quốc lộ;

g) Ý kiến của nhà đầu tư đối với trường hợp đầu nối vào quốc lộ trong phạm vi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư về ảnh hưởng đến an toàn, bền vững kết cấu công trình và lưu lượng phương tiện qua trạm thu phí;

h) Ý kiến của Bộ Giao thông vận tải đối với các trường hợp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đầu nối vào quốc lộ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Thông tư này.

## 2. Tổng hợp điểm đầu nối:

a) Bảng tổng hợp điểm đầu nối gồm một số nội dung cơ bản: về hiện trạng và xác định vị trí, hình thức giao cắt của điểm đầu nối; về hiện trạng và xác định vị trí, quy mô của đường gom;

b) Bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp.”.

## 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

### “Điều 25. Quyết định điểm đầu nối

1. Căn cứ hồ sơ xác định các điểm đầu nối do Sở Giao thông vận tải trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện; gửi quyết định phê duyệt các điểm đầu nối về Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Cục Quản lý đường bộ khu vực.

2. Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Thông tư này để được giải quyết.

3. Sau khi xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối đã được quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xóa bỏ các điểm không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó.”.

## 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 26 như sau:

“1. Trước khi nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới nút giao, chủ sử dụng hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận hồ sơ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ.

2. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, lưu giữ hồ sơ đối với nút giao đầu nối vào đoạn tuyến quốc lộ đã được quy hoạch là đường cao tốc, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 20 của Thông tư này;



b) Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, lưu giữ hồ sơ của các nút giao đầu nối đối với các tuyến quốc lộ được giao quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.”.

## **Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trường hợp hồ sơ đề nghị thỏa thuận đầu nối vào quốc lộ đã gửi Bộ Giao thông vận tải trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

2. Trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào quốc lộ đã gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Điểm a, điểm b khoản 9; điểm a, điểm b, điểm c, điểm e khoản 10; khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải;
- Báo GT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHTGT (5).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Đình Thọ**